

Cáp kết nối  
NEBV-S1W37-E-5-LE26  
Số bộ phận: 539244

FESTO



Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                      | Giá trị                                 |
|-----------------------------------------------|-----------------------------------------|
| Khu vực hoạt động                             | Chỉ cho cổng đa cực cụm van VTSA/VTSA-F |
| Tuân theo tiêu chuẩn                          | DIN 47100                               |
| Tên cáp                                       | với giá đỡ nhãn tên                     |
| trọng lượng sản phẩm                          | 1006 g                                  |
| Cổng nối điện 1, chức năng                    | Phía thiết bị hiện trường               |
| Cổng nối điện 1, thiết kế                     | góc                                     |
| Cổng nối điện 1, kiểu kết nối                 | Ổ cắm                                   |
| Cổng nối điện 1, đầu ra cáp                   | được kê góc                             |
| Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối            | Sub-D                                   |
| Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây              | 37                                      |
| Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng       | 26                                      |
| Cổng nối điện 1, kiểu gắn                     | 3x vít M4                               |
| Cổng nối điện 2, chức năng                    | Phía điều khiển                         |
| Cổng nối điện 2, kiểu kết nối                 | Cáp                                     |
| Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối            | đầu mở                                  |
| Cổng nối điện 2, số cực/dây                   | 26                                      |
| Cổng nối điện 2, cực/dây điện được dùng       | 26                                      |
| Dải điện áp hoạt động DC                      | 0 V...30 V                              |
| Khả năng tải dòng điện ở 40 ° C               | 2 A                                     |
| Độ chịu điện áp xung                          | 1 KV                                    |
| Chiều dài cáp                                 | 5 m                                     |
| Đặc điểm dây dẫn                              | thích hợp cho máng xích                 |
| Dòng điều kiện kiểm tra                       | Điều kiện kiểm tra theo yêu cầu         |
| Bán kính uốn, định tuyến cáp cố định          | 42 mm                                   |
| Bán kính uốn, định tuyến cáp có thể di chuyển | 104 mm                                  |
| Đường kính cáp                                | 10.4 mm                                 |
| Cấu tạo cáp                                   | 26 x 0,34 mm <sup>2</sup>               |
| Mặt cắt danh định của dây dẫn                 | 0.34 mm <sup>2</sup>                    |
| Mức độ bảo vệ                                 | IP65<br>NEMA 4                          |
| Lưu ý về mức độ bảo vệ                        | ở trạng thái lắp                        |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                | -5 °C...50 °C                           |

| Đặc tính                              | Giá trị                   |
|---------------------------------------|---------------------------|
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)   | theo chỉ thị RoHS của EU  |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp) | theo các quy định UK RoHS |
| Tuân thủ LABS                         | VDMA24364-B2-L            |
| Ghi chú vật liệu                      | Tuân thủ RoHS             |
| Lớp chống ăn mòn KBK                  | 2 - bị ăn mòn vừa phải    |
| Vật liệu vỏ bọc cáp                   | TPE-U(PUR)                |
| Màu vỏ cáp                            | xám                       |
| Vật liệu vỏ                           | PA                        |
| Vật liệu vỏ cách điện                 | PVC                       |